

Số: 32 /TTr-CNDD

Vũng Tàu, ngày 12 tháng 4 năm 2021

## TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí được thông qua ngày 29/6/2020;
- Căn cứ vào Quy chế Tài chính của Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty. Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt báo cáo tài chính đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) thực hiện kiểm toán (có Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán đính kèm).

Kính đề nghị Đại hội cổ đông xem xét và thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- HĐQT, GD, BKS
- Lưu VT, TCKT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
PHỤ TRÁCH HĐQT**



  
**HỒ SỸ HOÀNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP  
VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ**

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020  
đã được kiểm toán





Số :42-2/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí được lập ngày 22 tháng 3 năm 2021, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

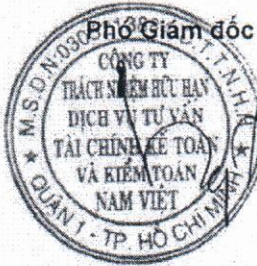
Như trình bày tại Thuyết minh số V.9 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang trị giá 14.081.452.138 đồng là chi phí lợi thế kinh doanh của công trình cao ốc văn phòng 35D và 35K đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nếu ghi nhận đúng thì chi phí lợi thế kinh doanh này phải được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm trước và làm cho khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang và khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 31/12/2020 giảm đi một khoản tương ứng.

Như trình bày tại Thuyết minh số V.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty có khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng trị giá 45.220.000.000 đồng tại ngày 01/01/2020 và 45.316.000.000 đồng tại ngày 31/12/2020 ở Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương – Chi nhánh Vũng Tàu ("Ngân hàng"). Hiện nay, Ngân hàng đang tạm dừng thực hiện chi trả tiền gửi cho khách hàng là tổ chức kinh tế thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi chưa nhận được tài liệu nào liên quan đến việc thực hiện chi trả một phần hoặc toàn bộ khoản tiền gửi kỳ hạn 01 tháng này từ phía Ngân hàng. Do đó, Chúng tôi không đánh giá được tính hợp lý và phù hợp của việc trình bày khoản tiền này trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại mục "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



**Phó Giám đốc**

**Nguyễn Ngọc Tuấn**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2837-2019-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2021

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Xuân Giang**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2784-2019-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>392.646.805.134</b>	<b>573.010.340.306</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>46.313.777.790</b>	<b>46.498.783.195</b>
1. Tiền	111		997.777.790	1.278.783.195
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.316.000.000	45.220.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>207.162.857.843</b>	<b>346.572.090.281</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	260.908.136.355	368.161.354.747
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.924.805.921	1.114.454.998
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	9.334.367.889	31.374.102.238
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(66.004.452.322)	(54.077.821.702)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>139.170.169.501</b>	<b>179.939.466.830</b>
1. Hàng tồn kho	141		141.784.546.716	179.939.466.830
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.614.377.215)	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>38.230.611.421</b>	<b>42.959.465.705</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.457.851.103</b>	<b>14.153.157.726</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	9.457.851.103	14.153.157.726
- Nguyên giá	222		67.604.721.927	69.880.003.296
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.146.870.824)	(55.726.845.570)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>14.081.452.138</b>	<b>14.081.452.138</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	14.081.452.138	14.081.452.138
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>14.691.308.180</b>	<b>14.724.855.841</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.837.200.000	15.837.200.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.145.891.820)	(1.112.344.159)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>430.877.416.555</b>	<b>615.969.806.011</b>

3297  
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ  
T.B.A.F  
030  
TRAC  
DİK  
TÀI C  
V  
IN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>209.827.210.694</b>	<b>344.914.372.421</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>196.049.092.528</b>	<b>331.997.386.640</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	109.053.783.579	155.893.807.614
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	18.668.322.132	46.832.259.294
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	27.607.531.415	30.462.331.809
4. Phải trả người lao động	314		839.108.871	2.085.206.880
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	1.553.220.267	24.296.239.989
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	27.276.682.048	35.905.471.647
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	10.750.000.000	34.664.360.659
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.16	-	1.542.914.532
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		300.444.216	314.794.216
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.778.118.166</b>	<b>12.916.985.781</b>
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.16	13.778.118.166	12.916.985.781
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>221.050.205.861</b>	<b>271.055.433.590</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>221.050.205.861</b>	<b>271.055.433.590</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.519.193.263	14.519.193.263
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(93.468.987.402)	(43.463.759.673)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(43.463.759.673)	(33.024.173.137)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(50.005.227.729)	(10.439.586.536)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>430.877.416.555</b>	<b>615.969.806.011</b>

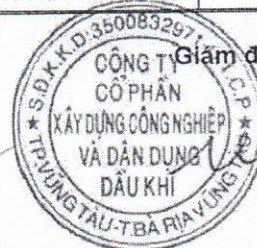
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc









Phan Thị Ngọc Diệp

Lê Ngọc Hoàng

Hồ Sỹ Hoàng

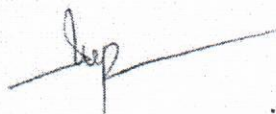
Vũng Tàu, ngày 22 tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		8.283.700.204	471.227.364.454
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	8.283.700.204	471.227.364.454
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	33.837.295.179	456.599.329.403
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(25.553.594.975)	14.628.035.051
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.870.914.847	1.978.952.614
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.959.300.609	3.889.369.659
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.925.752.948	3.800.231.764
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	22.029.568.843	17.778.332.591
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(47.671.549.580)	(5.060.714.585)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	8.301.010.746	5.951.604.250
12. Chi phí khác	32	VI.7	10.213.464.385	7.961.035.964
13. Lợi nhuận khác	40		(1.912.453.639)	(2.009.431.714)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(49.584.003.219)	(7.070.146.299)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	421.224.510	3.369.440.237
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(50.005.227.729)	(10.439.586.536)
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(1.667)	(348)

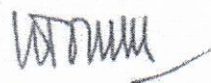
Người lập biểu



Phan Thị Ngọc Diệp

Vũng Tàu, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Kế toán trưởng



Lê Ngọc Hoàng

Giám đốc



Hồ Sỹ Hoàng



THAN  
VĂN  
TOÁN  
HÀN  
T  
CH